

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SikaCeram®-200 HP



Phiên bản 1.0

MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN:
100000024561

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất: 2020/02/18

1. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

Tên sản phẩm : SikaCeram®-200 HP
Mã sản phẩm : 100000024561
Loại sản phẩm : bột

Khuyến nghị và hạn chế khi sử dụng

sử dụng sản phẩm : Grouting mortar

Nhà sản xuất / Nhà cung cấp thông tin chi tiết

Công ty : Sika Limited (Vietnam)
Nhon Trach 1 Industrial Zone
Dong Nai Province
Điện thoại : +84 251 3 560 700
Telefax : +84 251 3 560 699
Địa chỉ e-mail : -
Điện thoại khẩn cấp : -

2. THÔNG TIN VỀ SỰ NGUY HẠI

Phân loại theo GHS

Ăn mòn/kích ứng da : Nhóm 2
Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt : Nhóm 1
Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ) : Nhóm 3 (Hệ hô hấp)

Thành phần nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Lời cảnh báo : Nguy hiểm
Cảnh báo nguy hiểm : H315 Gây kích ứng da.
H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.

Các lưu ý phòng ngừa :

Biện pháp phòng ngừa:
P261 Tránh hít bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ bụi nước.
P264 Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.
P271 Chỉ sử dụng ở ngoài trời hoặc ở khu vực có sự thông thoáng tốt.
P280 Đeo găng tay bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.
Biện pháp ứng phó:
P302 + P352 NẾU TIẾP XÚC LÊN DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.
P304 + P340 + P312 NẾU HÍT PHẢI: Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ nghỉ ngơi ở tư thế thoải mái. Gọi tới TRUNG

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SikaCeram®-200 HP



Phiên bản 1.0

MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN:
100000024561

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất: 2020/02/18

TÂM CHỐNG ĐỘC/ bác sỹ nếu bạn cảm thấy không khỏe.
P305 + P351 + P338 + P310 **NẾU BAY VÀO MẮT:** Rửa cẩn thận bằng nước trong một vài phút. Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và để làm. Tiếp tục rửa. Gọi ngay cho **TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC** hoặc bác sỹ.
P332 + P313 Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.
P362 Cởi bỏ quần áo bị nhiễm hoá chất và giặt sạch trước khi tái sử dụng.

Lưu trữ:

P403 + P233 Lưu trữ ở nơi có sự thông thoáng tốt. Giữ thùng chứa luôn đóng kín.

P405 Phải khóa cẩn thận khi lưu trữ.

Việc thải bỏ:

P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các nguy cơ khác không có trong GHS

Được biết là chưa xảy ra.

3. THÀNH PHẦN/ THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Chất Gây/Hỗn hợp : Hỗn hợp

Thành phần nguy hiểm

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (%)
quartz (SiO ₂) (Powder)	14808-60-7	>= 60 - < 70
calcium oxide	1305-78-8	>= 20 - < 30
aluminium oxide	1344-28-1	>= 1,5 - < 3
diiron trioxide	1309-37-1	>= 1 - < 1,5

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- Lời khuyên chung : Di chuyển ra khỏi khu vực nguy hiểm.
Tham vấn bác sĩ.
Đưa phiếu dữ liệu an toàn hoá chất này cho bác sỹ chăm sóc.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Di chuyển ra nơi có không khí trong lành.
Hỏi ý kiến bác sỹ sau khi tiếp xúc nhiều.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Ngay lập tức cởi bỏ quần áo và giày bị nhiễm.
Rửa sạch bằng xà bông và thật nhiều nước.
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sỹ.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt : Một lượng nhỏ bắn vào mắt cũng có thể gây mù hoặc tổn thương mô không thể phục hồi.
Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, ngay lập tức rửa mắt bằng nhiều nước và hỏi ý kiến bác sỹ.
Tiếp tục rửa mắt trên đường đến bệnh viện.
Gỡ bỏ kính áp tròng.
Mở rộng mắt khi rửa.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Xúc miệng bằng nước và sau đó uống thật nhiều nước.
Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn.
Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.
Tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
- Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện : các ảnh hưởng gây kích ứng
Ho

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SikaCeram®-200 HP



Phiên bản 1.0

MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN:
100000024561

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất: 2020/02/18

hiện cấp tính và biểu hiện
chậm

Rối loạn hô hấp
Chảy nước mắt quá nhiều
Viêm da
xem chương 11 để biết thêm thông tin chi tiết về ảnh hưởng
sức khỏe & các triệu chứng
Gây kích ứng da.
Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
Có thể gây kích ứng hô hấp.

Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Điều trị theo triệu trứng.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HÒA HOẠN

- Các phương tiện chữa cháy phù hợp : Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
Các sản phẩm cháy nguy hại : Chưa từng biết có các sản phẩm gây nổ độc hại
- Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Quy trình chuẩn dùng trong cháy nổ hóa chất
Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Trong trường hợp hỏa hoạn, đeo các dụng cụ thở cá nhân.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp : Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.
Tránh hít bụi.
không được phép vào khi chưa được trang bị an toàn
- Các biện pháp phòng ngừa về môi trường : Cố gắng phòng tránh các vật liệu đi vào đường ống hoặc đường nước.
- Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch. : Thu gom và tiêu hủy mà không tạo ra bụi bẩn.
Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy.

7. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

- Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ : Tránh tạo ra bụi. Cung cấp ống xả thông gió thích hợp tại nơi bụi được tạo thành.
- Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn : Không được hít hơi/bụi.
Tránh vượt quá giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp cho phép (xem phần 8).
Không để hóa chất rơi vào mắt, lên da, hoặc quần áo.
Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.
Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng.
tuân theo các tiêu chuẩn khi xử lý các sản phẩm hóa chất
- Các điều kiện lưu giữ an toàn : Lưu giữ trong bình chứa ban đầu.
Đặt tại nơi thông gió tốt.
Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn.
Lưu trữ theo các quy định của địa phương.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO HỘ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị	Các thông số	Cơ sở
------------	--------	--------------	--------------	-------

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SikaCeram®-200 HP



Phiên bản 1.0

MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN:
100000024561

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất: 2020/02/18

		(Dạng phơi nhiễm)	kiểm soát / Nồng độ cho phép	
quartz (SiO ₂) (Powder)	14808-60-7	TWA (Bụi hạt hít phải qua mũi và miệng)	0,025 mg/m ³	ACGIH
		TWA (Bụi hạt hít phải qua mũi và miệng)	0,025 mg/m ³ (Silica)	ACGIH
		TWA (Bụi hạt hít phải qua mũi và miệng)	0,025 mg/m ³	ACGIH
		TWA (Bụi hạt hít phải qua mũi và miệng)	0,025 mg/m ³ (Silica)	ACGIH
calcium oxide	1305-78-8	TWA	2 mg/m ³	VN OEL
		STEL	4 mg/m ³	VN OEL
		TWA	2 mg/m ³	ACGIH
aluminium oxide	1344-28-1	TWA	2 mg/m ³ (Nhôm)	VN OEL
		STEL	4 mg/m ³ (Nhôm)	VN OEL
		TWA (Bụi hạt hít phải qua mũi và miệng)	1 mg/m ³ (Nhôm)	ACGIH
diiron trioxide	1309-37-1	TWA (bụi, khói)	5 mg/m ³	VN OEL
		STEL (bụi, khói)	10 mg/m ³	VN OEL
		TWA (Bụi hạt hít phải qua mũi và miệng)	5 mg/m ³	ACGIH

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp

- : Sử dụng thiết bị bảo vệ đường hô hấp trừ khi có hệ thống thông gió nội bộ phù hợp hoặc việc đánh giá chứng tỏ rằng sự tiếp xúc nằm trong giới hạn phơi nhiễm đề xuất. Loại bộ lọc cho mặt nạ phải phù hợp với nồng độ ô nhiễm tối đa (khí/hơi/aerosol/hạt) có thể xuất hiện khi thao tác với sản phẩm. Nếu vượt quá nồng độ này phải dùng bộ dụng cụ thở cá nhân..

Bảo vệ tay

- : sử dụng găng tay kháng hóa chất, không thấm trong suốt quá trình thao tác với các sản phẩm hóa chất

Bảo vệ mắt

- : phải sử dụng kính mắt an toàn khi đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết

Bảo vệ da và cơ thể

- : Chọn đồ bảo hộ theo loại, nồng độ và lượng các chất nguy hiểm theo từng nơi làm việc cụ thể.

Các biện pháp vệ sinh

- : Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp. Không được ăn hoặc uống khi sử dụng. Không hút thuốc khi sử dụng.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SikaCeram®-200 HP



Phiên bản 1.0

MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN:
100000024561

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất: 2020/02/18

Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.

9. ĐẶC TÍNH LÝ HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái	: bột
Màu sắc	: màu xám
Mùi đặc trưng	: đặc tính
Ngưỡng mùi	: chưa có dữ liệu
Độ pH	: Không áp dụng được
Điểm/khoảng nóng chảy / Điểm đông	: chưa có dữ liệu
Điểm sôi/khoảng sôi	: chưa có dữ liệu
Điểm chớp cháy	: chưa có dữ liệu
Tỷ lệ hóa hơi	: chưa có dữ liệu
Tính dễ cháy	: chưa có dữ liệu
Giới hạn trên của cháy nổ	: chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ	: chưa có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	: chưa có dữ liệu
Tỷ trọng hơi tương đối	: chưa có dữ liệu
Mật độ	: Khoảng 1,5 g/cm ³ (20 °C (20 °C) ())
Độ hòa tan	
Tính tan trong nước	: chưa có dữ liệu
Độ hòa tan trong các dung môi khác	: chưa có dữ liệu
Hệ số phân tán: n- octanol/nước	: chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	: chưa có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	: chưa có dữ liệu
Độ nhớt, động lực	: chưa có dữ liệu
Độ nhớt, động học	: chưa có dữ liệu
Đặc tính cháy nổ	: chưa có dữ liệu
Trọng lượng phân tử	: chưa có dữ liệu

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	: Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
Tính ổn định hóa học	: Sản phẩm này ổn định về mặt hóa học.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SikaCeram®-200 HP



Phiên bản 1.0

MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN:
100000024561

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất: 2020/02/18

Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm : Ổn định trong các điều kiện lưu trữ được đề nghị.
Các điều kiện cần tránh : chưa có dữ liệu
Các vật liệu xung khắc : chưa có dữ liệu
Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Độc tính cấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

diiron trioxide:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 đường miệng (Chuột): > 5.000 mg/kg miệng

Ăn mòn/kích ứng da

Gây kích ứng da.

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

Kích thích hô hấp hoặc da

Nhạy cảm với da: Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Nhạy cảm với hô hấp: Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Biến đổi tế bào gốc

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Tính gây ung thư

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Độc tính đối với sinh sản

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

STOT - Tiếp xúc một lần

Có thể gây kích ứng hô hấp.

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Độc tính hô hấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính sinh thái

chưa có dữ liệu

Tính bền vững và phân hủy

chưa có dữ liệu

Tiềm năng tích lũy sinh học

chưa có dữ liệu

Tính biến đổi trong đất

chưa có dữ liệu

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SikaCeram®-200 HP



Phiên bản 1.0

MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN:
100000024561

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất: 2020/02/18

Các ảnh hưởng có hại khác

Sản phẩm:

Các thông tin sinh thái khác : Chưa có dữ liệu cho sản phẩm này.

13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn : Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng
Gửi đến cho một công ty xử lý chất thải có giấy phép

Các bao bì đã nhiễm hoá chất : Loại bỏ các thành phần còn lại.
Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng.
Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.

14. THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC

Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

15. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Các quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp
Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

Danh mục các tiền chất và hóa chất độc của Công ước : Không áp dụng được
Vũ khí Hóa học Quốc tế (CWC)

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12 : quartz (SiO₂) (Powder)
silicon dioxide
diiron trioxide

16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Thông tin trong bảng dữ liệu an toàn tương ứng với kiến thức & kinh nghiệm của chúng tôi tại thời điểm công bố